

**Câu 1 (2 điểm):**

- Phân biệt sự khác nhau giữa chi phí phải trả (tài khoản 335) và dự phòng phải trả (tài khoản 352). Cho ví dụ minh họa thông qua nghiệp vụ kinh tế phát sinh có chi phí phải trả, dự phòng phải trả và định khoản kế toán nghiệp vụ này.
- Trình bày nguyên tắc ghi giảm doanh thu trong trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ doanh nghiệp đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hoặc hàng bán bị trả lại. Cho ví dụ minh họa.

**Câu 2 (2 điểm):**

- Trình bày phương pháp kế toán trong trường hợp doanh nghiệp sử dụng sản phẩm sản xuất ra để khuyến mại (theo pháp luật về thương mại).
  - Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ phần công việc đã hoàn thành. Anh/chị hãy nêu các phương pháp xác định phần công việc đã hoàn thành làm cơ sở ghi nhận doanh thu và cho ví dụ minh họa về một phương pháp.
- c. Nêu các nội dung chủ yếu của chứng từ kế toán theo quy định của Luật kế toán?

**Câu 3 (2 điểm):**

Doanh nghiệp B trong kỳ có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh sau: (Đơn vị tính: 1.000 đồng).

- Xuất kho hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế GTGT bán trực tiếp cho khách hàng, giá bán chưa có thuế GTGT là 3.500.000, thuế suất thuế GTGT là 10%, người mua đã thanh toán toàn bộ bằng tiền gửi ngân hàng (đã nhận được giấy báo có), giá vốn hàng hóa xuất bán là 2.000.000.
- Nhận được thông báo của Công ty liên doanh Hoa Mai về khoản cổ tức được chia từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là 100.000.
- Thanh lý 1 TSCĐ hữu hình ở bộ phận bán hàng, nguyên giá TSCĐ hữu hình 800.000, giá trị hao mòn lũy kế 650.000. Giá bán TSCĐ thanh lý theo giá chưa có thuế GTGT 100.000, thuế GTGT 10%, đã thu bằng tiền gửi ngân hàng.
- Tổng chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ theo giá chưa có thuế GTGT là 100.000, thuế GTGT là 10% và chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ theo giá chưa có thuế GTGT là 50.000, thuế GTGT 10% đều đã thanh toán bằng

tiền gửi ngân hàng. Biết rằng có 20% chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ không được tính vào chi phí được trừ để tính thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) theo quy định của pháp luật về thuế TNDN. Toàn bộ chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí khác phát sinh trong kỳ đều được tính vào chi phí được trừ để tính thu nhập chịu thuế TNDN.

**Yêu cầu:**

1. Lập định khoản các nghiệp vụ kinh tế trên (kể cả bút toán kết chuyển) và tính thuế TNDN phải nộp trong kỳ, biết thuế suất thuế TNDN là 22%.
2. Trình bày các chỉ tiêu có liên quan trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Biết rằng trong kỳ, doanh nghiệp không có nghiệp vụ kinh tế phát sinh nào khác ngoài các nghiệp vụ nói trên.

**Câu 4: (2 điểm)**

Công ty Hà Nội mua toàn bộ cổ phần của công ty Hải Nam và trở thành công ty mẹ của công ty Hải Nam từ ngày 1.1.2013. Giữa 2 công ty có một số nghiệp vụ nội bộ phát sinh như sau: (đơn vị tính: nghìn đồng)

1. Công ty Hải Nam bán một thiết bị còn mới cho công ty Hà Nội, giá bán 100.000, nguyên giá của thiết bị này đối với công ty Hải Nam là 82.000. Nghiệp vụ này phát sinh vào ngày 1 tháng 7 năm 2013. Thiết bị này là tài sản cố định đối với cả 2 công ty và được dùng phục vụ cho mục đích bán hàng. Tỷ lệ khấu hao năm là 5% theo nguyên giá.
2. Ngày 1 tháng 7 năm 2013, công ty Hải Nam bán hàng hóa cho công ty Hà Nội với mức doanh thu 8.000, giá vốn hàng bán 6.000. Toàn bộ số hàng hóa này vẫn thuộc hàng tồn kho của công ty Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2013. Trong niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, công ty Hà Nội đã bán được  $\frac{1}{2}$  số hàng trên ra bên ngoài tập đoàn với doanh thu là 4.500.
3. Ngày 31 tháng 3 năm 2014, công ty Hà Nội phát hành 1.000 trái phiếu theo mệnh giá, lãi suất năm 6%, mệnh giá 100/trái phiếu, thời gian đáo hạn của trái phiếu là 2 năm kể từ ngày phát hành. Công ty Hải Nam mua 400 trái phiếu trong số trái phiếu nêu trên. Tiền lãi được thanh toán vào ngày 30 tháng 9 và 31 tháng 3 hàng năm.

**Yêu cầu:**

Lập các bút toán loại trừ và điều chỉnh khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty Hà Nội và công ty Hải Nam cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 22%.

**Câu 5 (2 điểm)**

Công ty An Bình sử dụng VL A để sản xuất sản phẩm B. Tình hình hàng tồn kho của công ty vào đầu 12/2015 như sau

Loại HTK	SL (kg)	Giá thực tế (đ)
VL A	8.000	121.600.000
SP B	5.000	150.000.000

Tình hình biến động HTK tại công ty trong tháng 12 như sau:

1. Mua và nhập kho VLA: số lượng ghi trên hóa đơn 20.000 kg, giá mua ghi trên hóa đơn chưa có thuế GTGT 10% là 14.000đ, thực nhận 19.500 kg, thiếu trong định mức: 500 kg, công ty đã thanh toán bằng chuyển khoản và được hưởng chiết khấu 1% bằng tiền mặt.
2. Xuất 5.000 kg VLA cho sản xuất sản phẩm và 15.000kg VLA để góp vốn liên doanh, giá do Hội đồng liên doanh xác nhận 16.000/kg
3. Xuất bán 3.000 sp B với giá 33.000/sp chưa bao gồm thuế GTGT 10%, khách hàng chưa thanh toán
4. Mua 10.000 kg VLA đã nhập kho đủ và thanh toán bằng tiền vay ngắn hạn ngân hàng. Giá mua chưa gồm thuế GTGT 10% là 13.000đ/kg
5. Nhập kho 5.000 spB với giá thành 30.000/sp

**Yêu cầu:**

1. Hãy định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại công ty An Bình biết công ty tính giá xuất HTK theo phương pháp bình quân cả kỳ dự trữ.
2. Hãy xác định và thực hiện hạch toán sổ dự phòng giảm giá HTK cần lập vào thời điểm 31/12/2015 nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của VLA là 200.000.000, của SPB là 220.000.000

***Ghi chú:***

- Cán bộ coi thi không giải thích thêm.
- Các doanh nghiệp được đề cập trong đề thi đều thực hiện kế toán theo chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính; Các doanh nghiệp này sản xuất, kinh doanh sản phẩm, hàng hóa dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT, tính và nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ; Kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

*ĐTH*